CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, O=CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0109204756
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.03.26 17:19:29+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 11.2.0

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2024/CBTT-HIO	*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: ***- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;***
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO
- Địa chỉ: Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333
- Email: info@helioenergy.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Helio Energy công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023;
- Giải trình biến động kết quả sản suất kinh doanh báo cáo tài chính riêng năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/03/2024 tại đường dẫn https://helioenergy.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- *Báo cáo tài chính riêng năm 2023;*
- *Giải trình biến động kết quả SXKD BCTC riêng năm 2023.*

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin

M.S.D.N: 0109204756 CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Dương

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0691 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.
Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1

Nguyễn Thị Ngân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5248-2020-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**29.764.153.013**	**21.873.928.596**
I.	**Tiền**	**110**	4	**3.357.152.990**	**180.434.446**
1.	Tiền	111		3.357.152.990	180.434.446
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**23.640.905.747**	**15.548.457.831**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.602.925.000	8.309.544.831
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.034.437.000	2.658.913.000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.543.747	4.580.000.000
III.	**Hàng tồn kho**	**140**	9	**537.095.181**	**962.592.421**
1.	Hàng tồn kho	141		537.095.181	962.592.421
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.228.999.095**	**5.182.443.898**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	922.409.024	1.441.228.827
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.306.590.071	3.741.215.071
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**226.639.177.596**	**232.309.792.352**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**830.000.000**	**1.260.457.600**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	830.000.000	1.260.457.600
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**40.710.756.156**	**46.822.216.696**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	40.710.756.156	46.822.216.696
	- Nguyên giá	*222*		*53.073.074.935*	*55.353.706.278*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(12.362.318.779)*	*(8.531.489.582)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	12	**1.906.266.529**	-
	- Nguyên giá	*231*		*2.382.833.161*	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(476.566.632)*	-
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**182.606.106.154**	**183.313.550.334**
1.	Đầu tư vào công ty con	251	5	184.805.500.000	184.805.500.000
2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(2.199.393.846)	(1.491.949.666)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**586.048.757**	**913.567.722**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	586.048.757	913.567.722
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**256.403.330.609**	**254.183.720.948**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**39.109.521.991**	**41.731.386.253**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**12.199.521.991**	**9.741.386.253**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.935.323.793	2.559.377.591
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	902.432.167	242.556.086
3.	Phải trả người lao động	314		1.042.388.159	-
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.239.377.872	2.149.452.576
5.	Vay ngắn hạn	320	16	5.080.000.000	4.790.000.000
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**26.910.000.000**	**31.990.000.000**
1.	Vay dài hạn	338	17	26.910.000.000	31.990.000.000
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**217.293.808.618**	**212.452.334.695**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**18**	**217.293.808.618**	**212.452.334.695**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*210.000.000.000*	*210.000.000.000*
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.293.808.618	2.452.334.695
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*2.452.334.695*	*(1.339.417.669)*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*4.841.473.923*	*3.791.752.364*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**256.403.330.609**	**254.183.720.948**

Đỗ Thị Trang	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Phan Thành Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**21**	**39.181.532.882**	**20.132.476.111**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**		**39.181.532.882**	**20.132.476.111**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	22.591.132.979	11.255.232.471
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**16.590.399.903**	**8.877.243.640**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.172.798	4.869.356.279
6.	Chi phí tài chính	22	25	3.628.784.193	4.267.748.830
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.920.828.013*	*3.362.737.944*
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	7.220.858.997	5.698.566.045
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)**	**30**		**5.742.929.511**	**3.780.285.044**
9.	Thu nhập khác	31		855.467.001	11.481.594
10.	Chi phí khác	32		910.078.318	14.274
11.	**(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(54.611.317)**	**11.467.320**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**5.688.318.194**	**3.791.752.364**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	846.844.271	-
14.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**4.841.473.923**	**3.791.752.364**

Đỗ Thị Trang	**Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh**	**Phan Thành Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***5.688.318.194***	***3.791.752.364***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định	02	4.307.395.829	4.267.951.203
	Các khoản dự phòng	03	707.444.180	905.010.886
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.172.798)	(4.869.356.279)
	Chi phí lãi vay	06	2.920.828.013	3.362.737.944
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***13.621.813.418***	***7.458.096.118***
	Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.807.365.316)	(8.447.321.570)
	Thay đổi hàng tồn kho	10	425.497.240	(702.538.106)
	Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	1.387.554.593	4.413.100.386
	Thay đổi chi phí trả trước	12	846.338.768	(1.623.715.190)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(2.922.119.794)	(3.334.443.423)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64.971.345)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***3.486.747.564***	***(2.236.821.785)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(102.201.818)	(2.126.043.345)
2.	Tiền chi cho vay	23	-	(2.190.000.000)
3.	Tiền thu hồi cho vay	24	-	9.709.500.000
4.	Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	4.582.172.798	784.240.389
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***4.479.970.980***	***6.177.697.044***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	-	29.430.000.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.790.000.000)	(33.400.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(4.790.000.000)***	***(3.970.000.000)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**3.176.718.544**	**(29.124.741)**
	Tiền đầu năm	**60**	**180.434.446**	**209.559.187**
	Tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**3.357.152.990**	**180.434.446**

Đỗ Thị Trang	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Phan Thành Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Alpha Solar 1 – Công ty TNHH Một thành viên với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020. Ngày 01 tháng 4 năm 2021, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên sửa đổi lần 1 với nội dung thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Helio Power" (nay tên là "Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli") sang chủ sở hữu mới là "Công ty Cổ phần Đầu tư Helios" (nay tên là "Công ty Cổ phần Helio Power"). Từ ngày 19 tháng 10 năm 2021 đến ngày 21 tháng 10 năm 2021, chủ sở hữu mới của Công ty đã quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH ngày 20 tháng 10 năm 2021 và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 210.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 10 năm 2021 với tên là Công ty Cổ phần Heaven Power.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 3 với nội dung thay đổi tên doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Heaven Power" thành "Công ty Cổ phần Helio Energy". Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 5 ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HIO từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Helio Power.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 39).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, phân phối điện;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất pin và ắc quy, thiết bị dây dẫn điện các loại, thiết bị điện chiếu sáng, đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác;
- Sửa chữa thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Trồng cây ăn quả, cây lấy quả chứa dầu, cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, cây hàng năm và cây lâu năm khác; và
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 26 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 8, số 152 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
10	Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
20	Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác. Người đọc cần đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của toàn Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí mua hàng tồn kho cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Tấm pin mặt trời	15

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, thuê mái và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất, thuê mái được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất, thuê mái.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận dựa trên sản lượng điện được công bố và xác nhận theo website của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Chi phí điện bao gồm các khoản chi phí cần thiết để có được doanh thu bán điện kể từ ngày phát điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	289.556.000	77.967.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.067.596.990	102.467.446
	3.357.152.990	**180.434.446**

5. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Apollo Power 2	10.037.500.000	-	10.037.500.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	(455.354.300)	10.095.000.000	(685.871.513)
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(340.621.754)	10.100.000.000	(144.177.683)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	(41.127.831)	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	(114.915.603)	6.000.000.000	(46.704.737)
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	(641.891.664)	6.000.000.000	(334.773.796)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	(605.482.694)	6.000.000.000	(280.421.937)
	184.805.500.000	**(2.199.393.846)**	**184.805.500.000**	**(1.491.949.666)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Tình hình hoạt động của Công ty con trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Apollo Power 2	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Apollo Power 4	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Ampire Power 4	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Omega Power 3	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH KCP Energy	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Solar Việt	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 28.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	16.945.920.000	4.698.000.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	199.778.000	367.083.724
Công ty Điện lực Bình Thuận	224.615.746	229.761.805
Công ty Điện lực Bình Dương	173.140.274	204.037.092
Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	178.830.980	183.022.210
Phải thu các khách hàng khác	4.880.640.000	2.627.640.000
	22.602.925.000	**8.309.544.831**

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, một số quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Gia Construction (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê)	629.937.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	404.500.000	404.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	1.396.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	700.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	-	157.423.000
	1.034.437.000	**2.658.913.000**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	3.543.747	-
Phải thu lợi nhuận từ các công ty con	-	4.580.000.000
	3.543.747	**4.580.000.000**
b. Dài hạn		
Đặt cọc	830.000.000	1.260.457.600
	830.000.000	**1.260.457.600**
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	430.000.000	5.440.457.600

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.800.000	-	-	-
Thiết bị, phụ tùng thay thế	135.733.182	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	387.561.999	-	962.592.421	-
	537.095.181	**-**	**962.592.421**	**-**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	887.161.037	1.370.549.329
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.284.676	18.041.667
Các khoản khác	20.963.311	52.637.831
	922.409.024	**1.441.228.827**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	567.717.168	899.479.488
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.091.589	5.960.234
Các khoản khác	240.000	8.128.000
	586.048.757	**913.567.722**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tấm pin mặt trời	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**2.611.910.201**	**18.598.727.600**	-	**5.666.822.582**	**28.476.245.895**	**55.353.706.278**
Tăng trong năm	-	-	102.201.818	-	-	102.201.818
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.382.833.161)	-	-	-	-	(2.382.833.161)
Số dư cuối năm	**229.077.040**	**18.598.727.600**	**102.201.818**	**5.666.822.582**	**28.476.245.895**	**53.073.074.935**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**348.437.292**	**3.286.268.534**	-	**1.079.035.101**	**3.817.748.655**	**8.531.489.582**
Khấu hao trong năm	165.586.723	1.644.641.364	16.026.269	574.184.472	1.898.416.380	4.298.855.208
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(468.026.011)	-	-	-	-	(468.026.011)
Số dư cuối năm	**45.998.004**	**4.930.909.898**	**16.026.269**	**1.653.219.573**	**5.716.165.035**	**12.362.318.779**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**2.263.472.909**	**15.312.459.066**	-	**4.587.787.481**	**24.658.497.240**	**46.822.216.696**
Tại ngày cuối năm	**183.079.036**	**13.667.817.702**	**86.175.549**	**4.013.603.009**	**22.760.080.860**	**40.710.756.156**

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của tài sản cố định gồm toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà được dùng để thế chấp cho các khoản vay là 40.624.580.607 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 46.822.216.696 VND).

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	-
Tăng do phân loại lại mục đích sử dụng	2.382.833.161
Số dư cuối năm	**2.382.833.161**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Trích khấu hao trong năm	8.540.621
Tăng do phân loại lại mục đích sử dụng	468.026.011
Số dư cuối năm	**476.566.632**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	**1.906.266.529**

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được dùng để thế chấp cho các khoản vay là 1.906.266.529 VND.

Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 0 VND (năm 2022: 0 VND). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 10.896.313 VND (năm 2022: 0 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Amber Capital	769.781.575	769.781.575	1.438.699.459	1.438.699.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	688.490.000	688.490.000	-	-
Công ty TNHH Vinh Quang	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty TNHH Phú Gia Construction (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê)	-	-	1.030.806.000	1.030.806.000
Phải trả cho các đối tượng khác	77.052.218	77.052.218	89.872.132	89.872.132
	1.935.323.793	**1.935.323.793**	**2.559.377.591**	**2.559.377.591**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	769.781.575	769.781.575	1.463.222.695	1.463.222.695

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.971.345	846.844.271	64.971.345	846.844.271
Thuế thu nhập cá nhân	177.584.741	344.304.717	466.301.562	55.587.896
Khác	-	6.000.000	6.000.000	-
	242.556.086	**1.197.148.988**	**537.272.907**	**902.432.167**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	2.327.375.132	1.284.871.528
Chi phí lãi vay	27.002.740	28.294.521
Chi phí thuê mái, thuê đất	10.000.000	11.286.527
Các khoản trích trước khác	875.000.000	825.000.000
	3.239.377.872	**2.149.452.576**

16. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000	-	-
Ông Phan Thành Đạt	*400.000.000*	*400.000.000*	-	*400.000.000*	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	4.390.000.000	4.390.000.000	5.080.000.000	4.390.000.000	5.080.000.000	5.080.000.000
	4.790.000.000	**4.790.000.000**	**5.080.000.000**	**4.790.000.000**	**5.080.000.000**	**5.080.000.000**

17. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (i)	27.540.000.000	27.540.000.000	-	2.900.000.000	24.640.000.000	24.640.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (ii)	8.840.000.000	8.840.000.000	-	1.490.000.000	7.350.000.000	7.350.000.000
	36.380.000.000	**36.380.000.000**	**-**	**4.390.000.000**	**31.990.000.000**	**31.990.000.000**
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	4.390.000.000	4.390.000.000			5.080.000.000	5.080.000.000
- Số phải trả sau 12 tháng	31.990.000.000	31.990.000.000			26.910.000.000	26.910.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vay dài hạn thể hiện:

(i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm với số tiền 29.030.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số HKI-HĐCTD/22034 ngày 03 tháng 6 năm 2022. Khoản vay được sử dụng để trả nợ vay bên thứ 3 liên quan đến thực hiện Dự án Đầu tư hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của Công ty. Khoản vay có thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 7,5%/năm, cố định trong năm thứ 2 là 8%/năm, sau đó định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi vay được trả định kỳ ngày 26 hàng tháng. Lãi suất trong năm 2023 dao động từ 7,5%/năm đến 8%/năm (năm trước: 7,5%/năm). Khoản vay được bảo đảm bằng một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà hình thành từ dự án (Thuyết minh số 11), toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty) tại Công ty (Thuyết minh số 18) và các quyền tài sản phát sinh từ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (Thuyết minh số 06).

(ii) Khoản vay từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với số tiền vay 11.000.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 82/2020/HDTD-DH-DN/TCĐL ngày 24 tháng 11 năm 2020. Khoản vay được sử dụng để thực hiện dự án "Nhà kho chứa nông sản kết hợp hệ thống điện mặt trời trên mái nhà tại xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Khoản vay có thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc và lãi là 4 tháng. Lãi suất được điều chỉnh vào ngày 01 hàng quý, lãi suất trong năm 2023 dao động từ 9,7%/năm đến 11,6%/năm (năm trước: từ 9,73%/năm đến 10,6%/năm), lãi vay được trả định kỳ hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Khoản vay được bảo đảm bằng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà hình thành từ dự án (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	5.080.000.000	4.390.000.000
Trong năm thứ hai	5.390.000.000	5.080.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	18.970.000.000	18.240.000.000
Sau năm năm	2.550.000.000	8.670.000.000
	31.990.000.000	**36.380.000.000**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	5.080.000.000	4.390.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	**26.910.000.000**	**31.990.000.000**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	**210.000.000.000**	**(1.339.417.669)**	**208.660.582.331**
Lợi nhuận trong năm	-	3.791.752.364	3.791.752.364
Số dư đầu năm nay	**210.000.000.000**	**2.452.334.695**	**212.452.334.695**
Lợi nhuận trong năm	-	4.841.473.923	4.841.473.923
Số dư cuối năm nay	**210.000.000.000**	**7.293.808.618**	**217.293.808.618**

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*21.000.000*	*21.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*21.000.000*	*21.000.000*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 ngày 28 tháng 8 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 210.000.000.000 VND). Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập, theo đó số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu tối thiểu của các cổ đông sau khi chuyển nhượng cổ phần lần lượt là 14.556.000 cổ phần tương đương 69,31% với Công ty Cổ phần Helio Power và 10.000 cổ phần tương đương 0,05% với ông Hoàng Thế Anh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	69,31%	147.302.000.000	70,14%
Các cổ đông khác	64.440.000.000	30,69%	62.698.000.000	29,86%
	210.000.000.000	**100%**	**210.000.000.000**	**100%**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power tại Công ty được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.134.318.012	4.469.736.905
Trên 1 năm đến 5 năm	6.508.844.537	11.797.983.462
Trên 5 năm	9.404.824.997	10.958.443.814
	19.047.987.546	**27.226.164.181**

Các khoản thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê văn phòng tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội với diện tích thuê 346,4 m2, giá thuê năm đầu tiên là 215.114.400 VND/tháng, sau đó điều chỉnh tăng hàng năm. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 21 tháng 5 năm 2022 đến ngày 20 tháng 03 năm 2027. Theo Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 21 tháng 5 năm 2023, diện tích thuê được điều chỉnh lại là 175 m^2, giá thuê từ năm thứ 02 đến hết năm thứ 03 sau khi điều chỉnh là 110.848.500 VND/tháng;

- Tiền thuê mái tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương với diện tích thuê 6.500 m^2, giá thuê 363.636.364 VND/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020;

- Tiền thuê mái tại Cụm Công nghiệp Vật liệu Xây dựng Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai với diện tích thuê 6.832 m^2, giá thuê 310.545.455 VND/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 20 năm từ ngày 21 tháng 8 năm 2020;

- Tiền thuê mái tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với diện tích thuê 6.400 m^2, giá thuê trong vòng 4 năm đầu tiên tính bằng 5% doanh thu bán điện/năm, giá thuê từ năm thứ 5 đến năm thứ 20 tính bằng 8% doanh thu bán điện/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 20 năm từ ngày 19 tháng 9 năm 2020. Ngoài ra, Công ty ký thêm phụ lục thuê thêm phần diện tích phụ 27 m^2 với đơn giá thuê chưa bao gồm thuế là 3.780.000 VND/năm;

- Tiền thuê nhà tại Đồng Nai với diện tích thuê 141,4 m^2, đơn giá thuê chưa bao gồm thuế là 108.000.000 VND/năm và thời hạn thuê 36 tháng kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023;

- Tiền thuê nhà tại Đắk Nông với diện tích thuê 125 m^2, đơn giá thuê chưa bao gồm thuế là 86.666.666 VND/năm và thời hạn thuê 15 tháng kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2022, phụ lục gia hạn đến ngày 08 tháng 12 năm 2026;

- Tiền thuê nhà tại Đắk Lắk với diện tích thuê 150 m^2, đơn giá thuê chưa bao gồm thuế là 106.666.666 VND/năm và thời hạn thuê 12 tháng kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2023, phụ lục gia hạn đến ngày 18 tháng 01 năm 2027;

- Tiền thuê thiết bị Recloser (2 Công ty) với tổng đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 24.977.370 VND/năm và thời hạn thuê 12 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Dịch vụ cho thuê	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	227.461.352.091	23.237.662.686	-	1.917.162.842	252.616.177.619
Tài sản không phân bổ					3.787.152.990
Tổng Tài sản					**256.403.330.609**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	32.449.747.958	3.015.865.132	13.122.000	-	35.478.735.090
Nợ phải trả không phân bổ					3.630.786.901
Tổng Nợ phải trả					**39.109.521.991**

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	240.130.561.408	10.213.218.686	2.651.048.808	252.994.828.902
Tài sản không phân bổ				1.188.892.046
Tổng Tài sản				**254.183.720.948**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	36.886.331.180	2.315.677.528	23.122.000	39.225.130.708
Nợ phải trả không phân bổ				2.506.255.545
Tổng Nợ phải trả				**41.731.386.253**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	9.729.127.282	29.452.405.600	-	39.181.532.882
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	5.964.365.802	16.626.767.177	-	22.591.132.979
Thu nhập khác trực tiếp của bộ phận	-	-	800.000.000	800.000.000
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	2.920.828.013	-	900.902.842	3.821.730.855
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	**843.933.467**	**12.825.638.423**	**(100.902.842)**	**13.568.669.048**
Thu nhập không phân bổ				57.639.799
Chi phí không phân bổ				7.937.990.653
Lợi nhuận trước thuế				**5.688.318.194**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				846.844.271
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				**4.841.473.923**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	9.549.476.111	10.583.000.000	-	20.132.476.111
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	6.362.165.988	4.893.066.483	-	11.255.232.471
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	3.362.737.944	-	-	3.362.737.944
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	**(175.427.821)**	**5.689.933.517**	**-**	**5.514.505.696**
Thu nhập không phân bổ				4.880.837.873
Chi phí không phân bổ				6.603.591.205
Lợi nhuận trước thuế				**3.791.752.364**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				**3.791.752.364**

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	29.452.405.600	10.583.000.000
Doanh thu bán điện	9.729.127.282	9.549.476.111
	39.181.532.882	**20.132.476.111**
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	18.686.100.200	7.798.000.000

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	16.626.767.177	4.893.066.483
Giá vốn bán điện	5.964.365.802	6.362.165.988
	22.591.132.979	**11.255.232.471**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	10.843.084.427	5.185.371.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.157.080.906	4.267.951.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.448.747.657	8.167.348.952
Chi phí khác bằng tiền	373.975.299	35.664.607
	29.822.888.289	**17.656.336.622**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.172.798	289.356.279
Lợi nhuận được chia	-	4.580.000.000
	2.172.798	**4.869.356.279**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.920.828.013	3.362.737.944
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	707.444.180	905.010.886
Chi phí tài chính khác	512.000	-
	3.628.784.193	**4.267.748.830**

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.572.282.600	2.016.452.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.026.269	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.511.029.585	3.653.977.587
Chi phí khác bằng tiền	121.520.543	28.135.585
	7.220.858.997	**5.698.566.045**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	846.844.271	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**846.844.271**	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**5.688.318.194**	**3.791.752.364**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	4.580.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	189.175.476	117.014.274
Chuyển lãi vay không được trừ năm 2021, 2022 thành chi phí lãi vay được trừ năm 2023	(972.038.952)	
(Lỗ) tính thuế	-	(671.233.362)
Chuyển lỗ	(671.233.362)	-
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	**4.234.221.356**	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	**846.844.271**	-

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc Công ty
Ông Cao Xuân Thành	Người đại diện quản lý vốn góp của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Hoàng Thế Anh)
Công ty Cổ phần Amber Capital	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Bà Nguyễn Thị Lan)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Cao Xuân Thành)
Công ty TNHH Apollo Power 2	Công ty con
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Công ty con sở hữu gián tiếp (đến ngày 08 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 12 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 08 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp (từ ngày 13 tháng 12 năm 2023)
Công Ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	864.720.000	216.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	871.880.200	216.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	864.000.000	216.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 4	576.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	432.000.000	108.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	291.500.000	57.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NVP Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Khởi Duy Solar	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	291.500.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	288.000.000	144.000.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)		
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	288.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	288.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	144.000.000	36.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	144.000.000	36.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	-	2.800.000.000
Công ty TNHH Atlas Power 1	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Omega Power 4	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	72.000.000
	18.686.100.200	**7.798.000.000**
Lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	-	590.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	-	480.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	-	400.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	-	360.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	-	330.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	-	280.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	-	280.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	-	240.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	-	230.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	-	200.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	-	200.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	-	190.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	-	160.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	-	120.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	-	110.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	-	110.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	-	100.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	-	100.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	-	100.000.000
	-	**4.580.000.000**
Nhận tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	-	400.000.000
	-	**400.000.000**
Trả tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	400.000.000	-
	400.000.000	**-**
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.955.574.328	1.582.131.716
Công ty TNHH Alpha Solar 4	9.823.200	9.823.200
Công ty Cổ phần Helio Power	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	-	56.100.000
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	12.883.500
	1.965.397.528	**2.260.938.416**

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Apollo Power 4	469.440.000	155.520.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Alpha Solar 3	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH Alpha Solar 4	466.560.000	Không là bên liên quan tại 31/12/2022
Công ty TNHH VVT Việt Nam	375.480.000	61.560.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	375.480.000	61.560.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NDT Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH NHY Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	375.480.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Omega Power 3	352.080.000	116.640.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	313.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	313.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	313.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	313.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Solar Việt	313.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	313.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công Ty TNHH Khởi Duy Solar	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	313.920.000	Chưa là bên liên quan
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH KCP Energy	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	234.720.000	155.520.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Tiếp theo)		
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	234.720.000	155.520.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	234.720.000	77.760.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	234.720.000	61.560.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	234.720.000	61.560.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	234.720.000	61.560.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	234.720.000	61.560.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	234.720.000	61.560.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	234.720.000	61.560.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	234.720.000	61.560.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	117.360.000	38.880.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	117.360.000	38.880.000
Công ty TNHH Atlas Power 1	Không còn là bên liên quan	155.520.000
Công ty TNHH Omega Power 4	Không còn là bên liên quan	155.520.000
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	77.760.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Không còn là bên liên quan	61.560.000
	16.945.920.000	**4.698.000.000**
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Amber Capital	430.000.000	860.457.600
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	-	590.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	-	480.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	-	400.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	-	360.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	-	330.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	-	280.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	-	280.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	-	240.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	-	230.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	-	200.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	-	200.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	-	190.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	-	160.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	-	120.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	-	110.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	-	110.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	-	100.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	-	100.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	-	100.000.000
	430.000.000	**5.440.457.600**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Amber Capital	769.781.575	1.438.699.459
Công ty TNHH Apollo Power 1	Không còn là bên liên quan	13.914.180
Công ty TNHH Alpha Solar 4	-	10.609.056
	769.781.575	**1.463.222.695**
Vay ngắn hạn		
Ông Phan Thành Đạt	-	400.000.000
	-	**400.000.000**

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	**300.000.000**	**250.000.000**
Bà Nguyễn Thị Lan	120.000.000	20.000.000
Ông Phan Thành Đạt	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	10.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	25.000.000
Ông Hoàng Thế Anh	-	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-	35.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**1.913.859.267**	**880.332.000**
Ông Phan Thành Đạt	790.286.503	398.529.000
Ông Bùi Tuấn Dương	576.238.697	255.818.867
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	547.334.067	225.984.133
Ban Kiểm soát	**132.000.000**	**132.000.000**
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000

Đỗ Thị Trang	**Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh**	**Phan Thành Đạt**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 25 tháng 3 năm 2024